TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/KDTM-PT
Ngày 21-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Chum

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng

Ông Huỳnh Văn Luật

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 21 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2023/TLPT-KDTM ngày 04/10/2023 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá".

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 28/2023/KDTM-ST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2023/QĐXXPT-KDTM ngày 18/10/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1; địa chỉ: Số G, Tổ I, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Bùi Xuân N, sinh năm 1983; địa chỉ: 2 T, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 31/10/2023); có mặt

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn A; địa chỉ: tổ D, khu phố Ô, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Đình P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc; địa chỉ thường trú: 2, đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 198/10, đường Đ, Phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người kháng cáo*: bị đơn Công Trách nhiệm hữu hạn A1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/01/2021, Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1 (gọi tắt công ty P1) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn A (gọi tắt Công ty A) có ký hợp đồng nguyên tắc số 02/HĐNT-2021. Theo hợp đồng, Công ty P1 sẽ cung cấp các mặt hàng sơn dùng trong công nghệ chế biến gỗ cho Công ty A, phương thức thanh toán là Công ty A phải thanh toán cho Công ty P1 trong vòng 45 ngày kể từ ngày hai bên đối chiếu công nợ. Theo Bảng xác nhận công nợ đến ngày 30/9/2022, Công ty A còn nợ Công ty P1 số tiền nợ gốc là 657.444.370 đồng.

Ngày 04/10/2022, Công ty A thanh toán số tiền 32.875.920 đồng.

Ngày 28/12/2022, Công ty A thanh toán số tiền 30.000.000 đồng.

Số tiền nợ gốc còn lại là 594.568.450 đồng.

Công ty P1 đã nhiều lần liên hệ yêu cầu thanh toán nhưng Công ty A không thanh toán. Do đó, Công ty P1 khởi kiện yêu cầu Công ty A phải thanh toán cho Công ty P1 số tiền 602.530.170 đồng, gồm nợ gốc 594.568.450 đồng và tiền lãi chậm trả 7.961.720 đồng. Sau khi nộp đơn khởi kiện, ngày 10/3/2023, Công ty A tiếp tục thanh toán cho Công ty P1 30.000.000 đồng. Do vậy, Công ty P1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: yêu cầu Công ty A thanh toán nợ gốc 564.568.450 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 29/12/2022 đến ngày 07/7/2023 theo mức lãi suất 09%/năm là 26.588.853 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa người diện hợp pháp của bị đơn, ông Nguyễn Đình P trình bày:

Thống nhất trình bày của nguyên đơn, Công ty A có ký hợp đồng mua bán sơn với Công ty P1, quá trình mua bán sơn với Công ty P1 còn nợ số tiền hàng 564.568.450 đồng. Tuy nhiên trong quá trình mua bán sơn, Công ty P1 đã giao sơn và pha sơn nhiều lần không đúng theo bảng màu dẫn tới kéo dài thời gian hoàn thành đơn hàng cho khách hàng là Công ty B2, sau đó Công ty B2 hủy đơn hàng không tiếp tục nhập hàng gây thiệt hại cho Công ty A số tiền 965.000.000 đồngtương ứng với đơn hàng 1.200 ghế. Bị đơn có đơn phản tố yêu cầu Công ty P1 phải bồi thường số tiền 965.000.000 đồng.

Ngày 29/5/2023, qua xem xét, thẩm định tại chỗ tại kho hàng theo yêu cầu của bị đơn ghi nhận tại thời điểm thẩm định có 830 thùng cát tông, sau ghi gỡ ngẫu nhiên 01 thùng có các linh kiện rời, sau khi lắp lại hình thành 01 ghế dạng xoay. Bị đơn xác định đây là lô hàng sản xuất cho Công ty B2 nhưng do sơn chậm không kịp giao hàng theo dự kiến nên Công ty B2 không tiếp tục nhận hàng.

Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 28/2023/KDTM-ST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty P1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty A.

Buộc Công ty A phải thanh toán cho Công ty P1 tiền nợ gốc 564.568.450 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 29/12/2022 đến ngày 07/7/2023 theo mức lãi suất 9%/năm là 26.588.853 đồng. Tổng số tiền Công ty A phải thanh toán là 591.157.303 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty A về việc yêu cầu nguyên đơn Công ty P1 phải bồi thường số tiền 965.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 25/7/2023, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm, cụ thể:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xác định kháng cáo về việc Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Vì nguyên đơn giao màu sơn cho bị đơn nhưng không đạt kỹ thuật màu sơn đúng theo yêu cầu của bị đơn, dẫn đến việc khách hàng của bị đơn là Công ty B2 hủy đơn đặt hàng với bị đơn, làm ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của bị đơn.

Xét thấy: Bị đơn thừa nhận giữa bị đơn và Công ty B2 có thỏa thuận về thời gian bị đơn phải giao hàng cho Công ty B2, nhưng đơn đặt hàng giữa bị đơn và nguyên đơn không có bất kỳ thỏa thuận nào về thời gian nguyên đơn phải giao hàng (màu sơn) cho bị đơn và bị đơn cho rằng nguyên đơn giao màu sơn đã pha cho bị đơn không đúng yêu cầu của bị đơn, hai bên chỉ trao đổi bằng lời nói, không lập bất kỳ biên bản nào thể hiện nguyên đơn giao hàng (màu sơn) không đạt yêu cầu. Bị đơn cho rằng Công ty B2 hủy đơn hàng gây thiệt hại cho bị đơn là do lỗi của nguyên đơn, nên yêu cầu nguyên đơn bồi thường. Xét thấy: Lời khai này của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào khác để chứng minh, nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn, bị đơn thống nhất về việc hai bên ký Hợp đồng nguyên tắc số 02/HĐNT-2021 ngày 02/01/2021, theo đó bên A (Công ty P1) sẽ cung cấp cho bên B (Công ty A) các loại sản phẩm gồm: sơn, chất tẩy, dung môi, tinh màu…dùng trong công nghệ chế biến gỗ, số lượng hàng hóa được bán tùy theo mỗi đợt đặt hàng của bên B, căn cứ vào đơn đặt hàng bên B gửi bên A; bên B (Công ty A) phải thanh toán cho bên B (Công ty P1) trong vòng 45 ngày kể từ ngày hai bên đối chiếu công nợ. Công ty A thừa nhận còn nợ Công ty P1 số nợ gốc là 564.568.450 đồng.

[2] Bị đơn Công ty A kháng cáo toàn bộ bản án với lý do: Tại hợp đồng nguyên tắc số 02/HĐNT-2021 ngày 02/01/2021, Công ty P1 cam kết hỗ trợ, cung cấp các thông tin cần thiết về kỹ thuật sử dụng các sản phẩm nhưng Công ty P1 đã không giao hàng đúng theo mẫu sơn và hỗ trợ kỹ thuật sử dụng mà hai bên đã thống nhất với khách hàng Công ty A là Công ty B2. Inc nên khi Công ty A sơn lên 1.200 ghế trị giá tổng cộng là 965.000.000 đồng và giao hàng là ngày 15/04/2021 nhưng phía Công ty B2. Inc đã từ chối không nhận hàng do không đúng màu theo thỏa thuận, hiện lô hàng vẫn còn lưu kho không bán được gây thiệt hại cho Công ty A. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét yêu cầu phản tố của Công ty A yêu cầu Công ty P1 phải bồi thường toàn bộ 1.200 ghế trị giá tổng cộng là 965.000.000 đồng do lỗi cung cấp sơn và không hỗ trợ đúng kỹ thuật nên khi sơn sản phẩm không đúng quy chuẩn khách hàng dẫn đến khách hàng từ chối nhận hàng.

Xét tại điều 3 và điều 4 hợp đồng nguyên tắc số 02/HĐNT-2021 ngày 02/01/2021 quy định: " *..hàng hóa được đảm bảo chất lượng đúng với hàng mẫu theo quy trình kỹ thuật mà bên A cung cấp…thời gian giao hàng là trong vòng 03 ngày làm việc (đối với mặt hàng thường sử dụng như lót, dung môi) và từ 3-5 ngày làm việc (đối với dòng tinh màu, màu, màu lắp vân gỗ…) kể từ khi bên A nhận được đơn đặt hàng của bên B…khi nhận hàng bên B kiểm tra đủ số lượng và đúng mã hàng hóa trong đơn đặt hàng mới ký nhận trên phiếu xuất kho của bên A...*"; Như vậy khi nhận hàng, bên công ty A đã không có ý kiến khiếu nại về chất lượng hàng hóa đối với Công ty P1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 318 của Luật Thương mại thì khi các bên không có thỏa thuận thì thời hạn khiếu nại đối với khiếu nại về chất lượng hàng hóa là 06 tháng, kể từ ngày giao hàng. Tại phiên tòa, đại diện bị đơn thừa nhận Công ty A đã nhận và sử dụng số sơn của Công ty P1 để sơn lên toàn bộ 1.200 ghế. Theo bút lục số 54 về giấy xác nhận màu sắc và chất lượng sơn ngày ..... thì Công ty P1 (ông Phan Văn B là kỹ thuật Công ty P1) và công ty A (ông Phan Văn B là kỹ thuật Công ty P1) và Công ty A (ông Nguyễn Văn B1 là QC kiểm hàng của bên đặt hàng tại Công ty A) đã xác nhận: "*..Công ty P1 bán các mặt hàng sơn gỗ cho Công ty TNHH A. Khi*

Công ty P1 giao hàng cho Công ty TNHH A, nhân viên kỳ thuật của Công ty P1 sẽ test màu, làm từng công đoạn để sơn lên một số sản phẩm hoàn thiện, mục đích để kiểm tra màu sắc và chất lượng sơn. Khi màu sắc và chất lượng sơn đạt yêu cầu, được sự chấp thuận của người có thẩm quyền Công ty TNHH A và QC kiểm hàng của bên đặt hàng tại Công ty TNHH A xác nhận thì mới được tiến hành sơn hàng loạt. QC kiểm hàng của bên đặt hàng tại Công ty TNHH A xác nhận sản phẩm ghế mà bên đặt hàng bỏ đơn hàng là do Công ty A làm chậm tiến độ một tháng, không liên quan đến màu sắc, chất lượng sơn của Công ty P1…".

Như vậy, lý do mà công ty A đưa ra do Công ty P1 đã không giao hàng đúng theo mẫu sơn và hỗ trợ kỹ thuật sử dụng mà hai bên đã thống nhất với khách hàng là không đúng với thực tế và xác nhận nêu trên của các nhân viên kỹ thuật, kiểm hàng của hai bên nên không có cơ sở chấp nhận. Hơn nữa, từ khi ký nhận hàng bên công ty A đã không thực hiện quyền khiếu nại theo quy định của Luật Thương mại, xem như từ bỏ quyền lợi của mình. Hơn nữa, từ khi ký nhận hàng bên Công ty A đã không thực hiện quyền khiếu nại theo quy định của Luật Thương mại, xem như từ bỏ quyền lợi của mình.

Công ty A cũng đã ký nhận vào các phiếu xuất kho nhận sản phẩm do Công ty P1 cung cấp vào năm 2021 các ngày: 04/01/2021, 05/01, 16/01, 19/01, 23/01, 27/01, 30/01, 02/02, 27/3, 29/3, 30/3, 31/3. Ngoài ra, hai bên cũng đã ký vào bảng xác nhận công nợ ngày 30/9/2022, bị đơn thừa nhận số tiền còn lại chưa thanh toán là 657.444.370 đồng. Ngày 04/10/2022, Công ty A thanh toán số tiền 32.875.920 đồng. Ngày 28/12/2022, Công ty A thanh toán số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 10/3/2023 Công ty A tiếp tục thanh toán cho Công ty P1 30.000.000 đồng; số tiền gốc bị đơn còn phải có trách nhiệm thanh toán là 564.568.450 đồng. Bị đơn kháng cáo với lý do chất lượng hàng hóa không đảm bảo là không có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu phản tố: Bị đơn cho rằng trong quá trình mua bán sơn, Công ty P1 đã giao sơn và pha sơn nhiều lần không đúng theo bảng màu của khách hàng dẫn tới kéo dài thời gian hoàn thành đơn hàng cho khách hàng là Công ty B2, sau đó Công ty B2 hủy đơn hàng không tiếp tục nhận hàng gây thiệt hại cho Công ty A số tiền 965.000.000 đồng tương ứng với đơn hàng 1.200 ghế. Bị đơn phản tố, yêu cầu Công ty P1 phải bồi thường số tiền 965.000.000 đồng. Tuy nhiên, yêu cầu như đã phân tích trên, bị đơn không thực hiện khiếu nại về chất lượng hàng hóa và không chứng minh được có thiệt hại từ chất lượng hàng hóa là lỗi từ Công ty P1 nên không có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[6] Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 318 của Luật Thương mại;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH A.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 28/2023/KDTM-ST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Bình Dương:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn A.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn A phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1 số tiền mua hàng còn nợ (gốc + lãi) tính đến ngày 07/7/2023 là 591.157.303 đồng (năm trăm chín mươi mốt triệu, một trăm năm mươi bảy ngàn, ba trăm lẻ ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH A về việc yêu cầu nguyên đơn Công ty TNHH P1 phải bồi thường số tiền 965.000.000 đồng.

1.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty A phải chịu 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng), khấu trừ tạm ứng đã nộp.

1.4. Về án phí sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn A phải chịu 68.596.292 (sáu mươi tám triệu, năm trăm chính mươi sáu nghìn, hai trăm chín mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, khấu trừ vào 20.475.000 đồng (hai mươi triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007578 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn A còn phải chịu 48.121.292 đồng (bốn mươi tám triệu, một trăm hai mươi mốt ngàn, hai trăm chín mươi hai đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1 trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1 14.050.000 đồng (mười bốn triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007465 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

2. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn A phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007924 ngày 25/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T1;
- TAND thành phố T1;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp; Tòa Kinh tế.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đặng Văn Chum